CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Ngày 30/09/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,000 - 4,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	1,027
P/E	3.9

DT thuần
Q3/25
322
tỷ VNĐ
QoQ: ▼290| -47.3%
YoY: ▲ 6.00| 2.0%

LN thuần
Q3/25
6.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.6| -62.3%
YoY: ▼0.67| -9.5%

LN sau thuế
Q3/25
6.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.16| -55.5%
YoY: ▲ 1.18| 22.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.7%
YoY: +/-▼ 0.2%

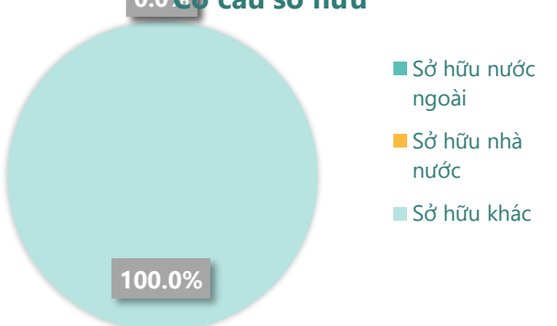
ROE (TTM)
Q3/25
16.6%
YoY: +/-▲ 0.1%

DT thuần
9T 2025
1,085
tỷ VNĐ
YoY: ▼100| -8.4%

LN thuần
9T 2025
27.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.80| -2.8%

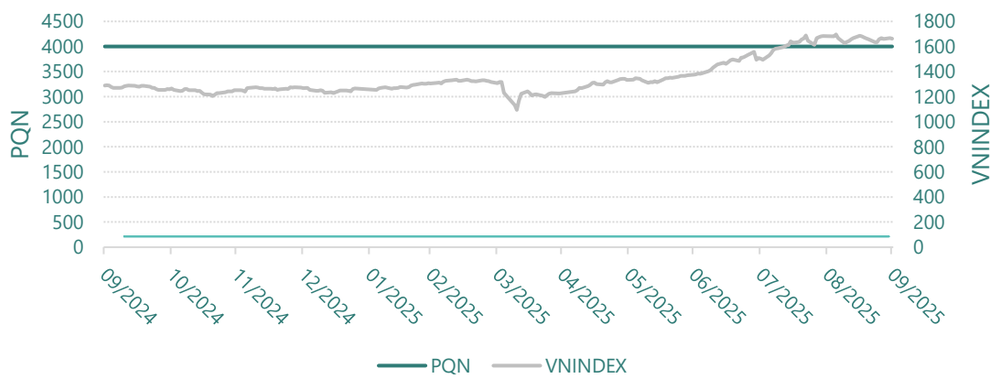
LN sau thuế
9T 2025
24.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 8.9%

Cơ cấu sở hữu

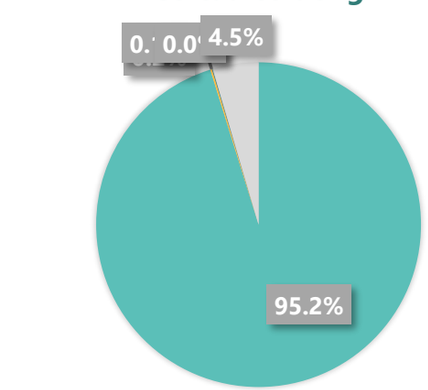


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

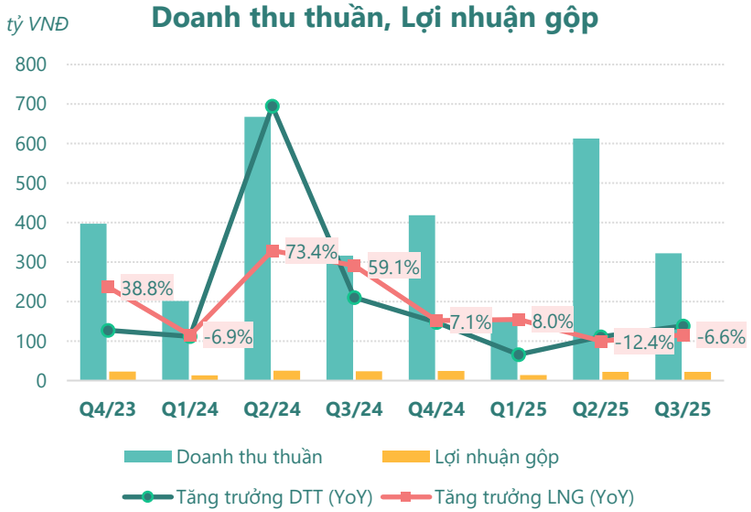


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- Dương Hùng Văn
- Phạm Văn Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Trần Toàn
- Lê Hồng Phong (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

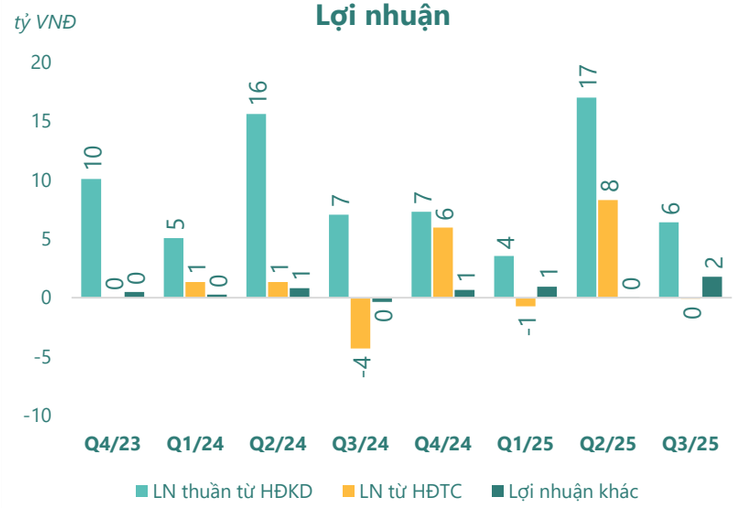
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



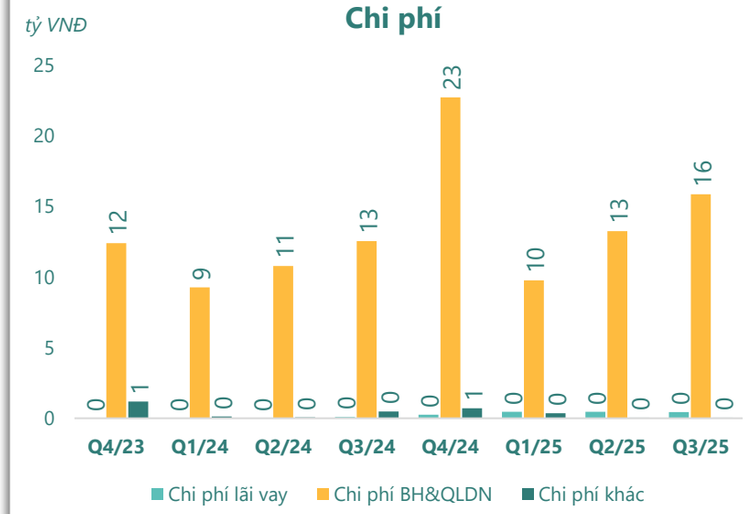
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



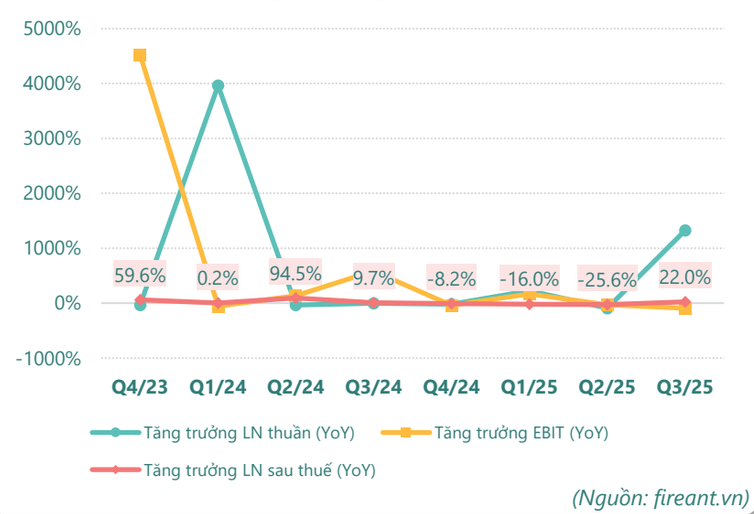
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



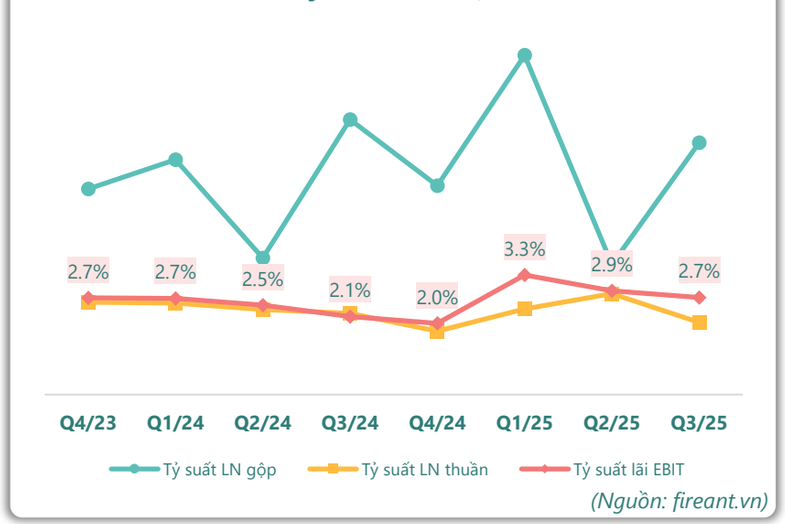
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



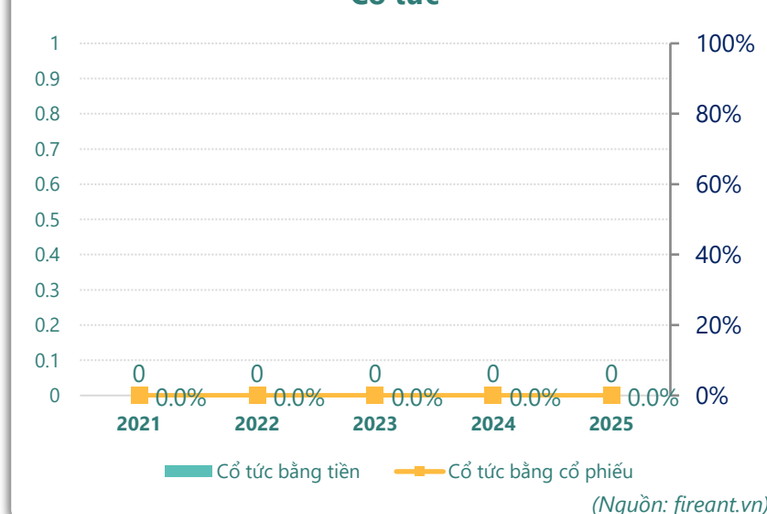
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

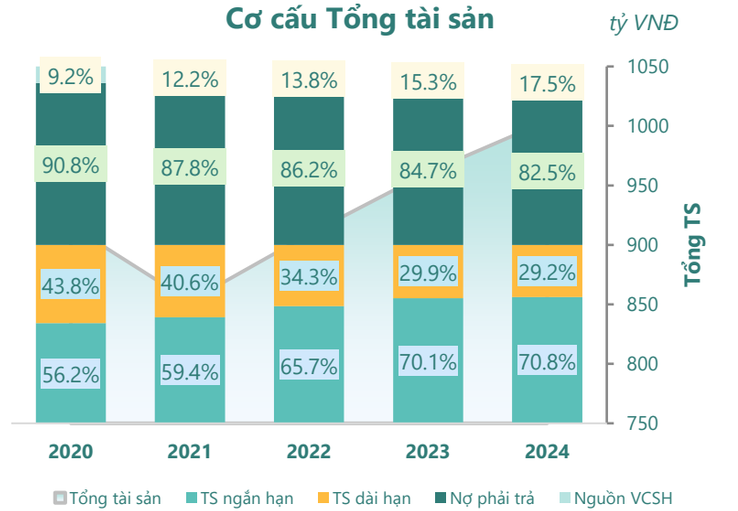
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

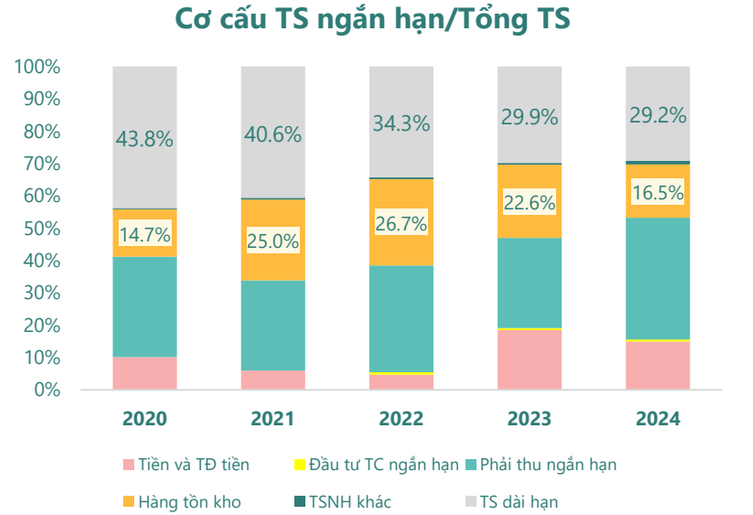
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



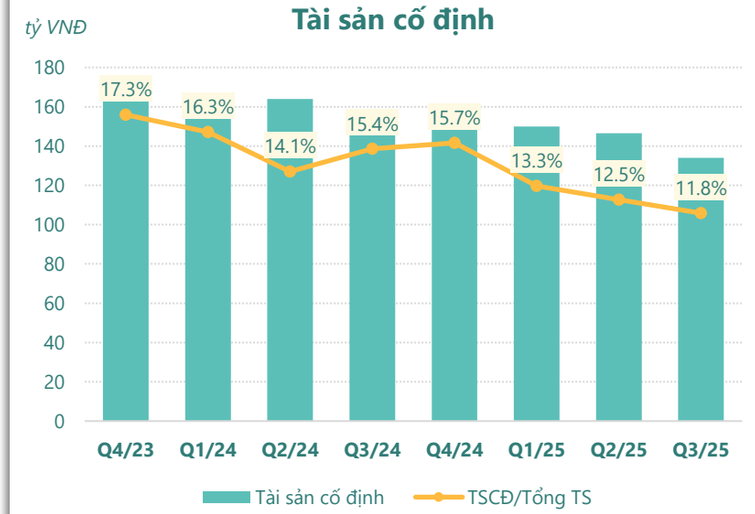
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



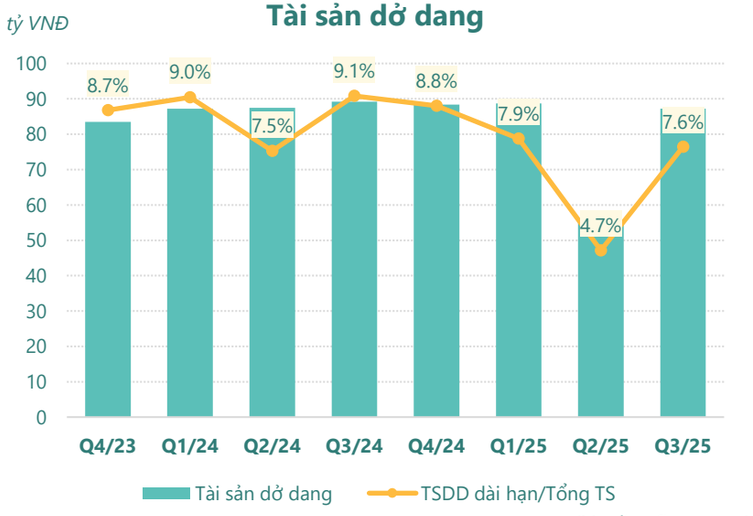
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



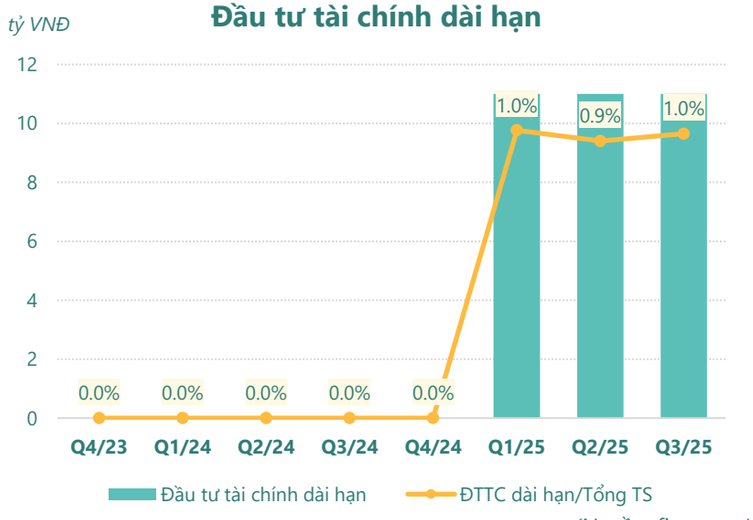
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



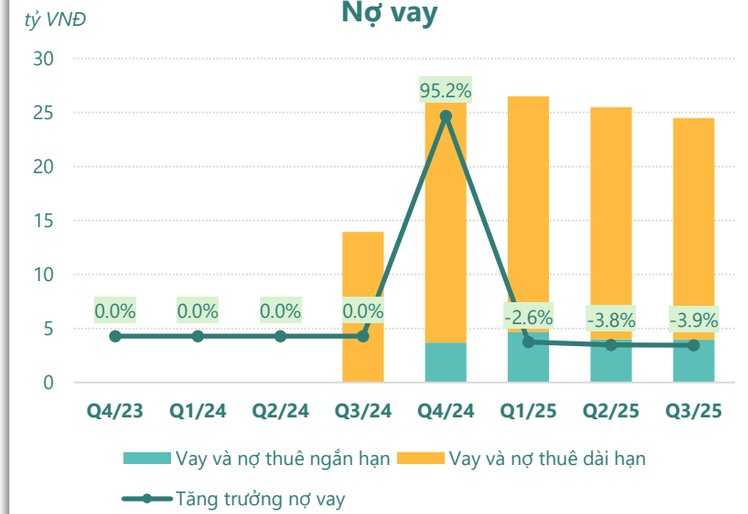
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

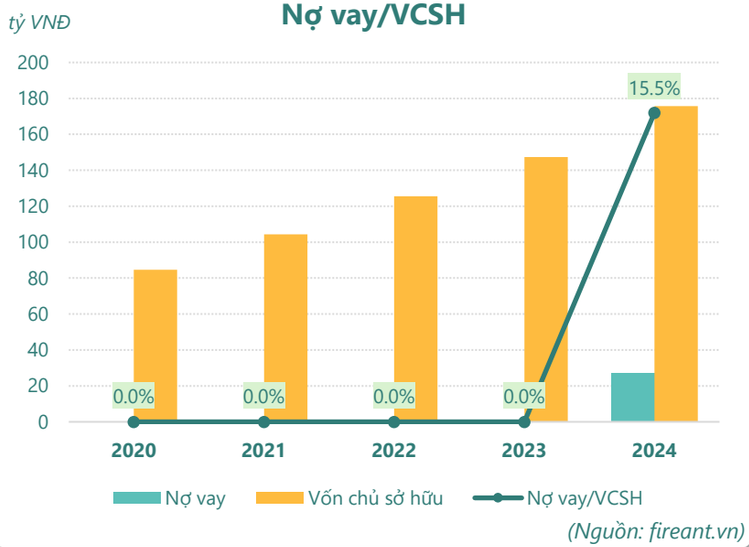
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

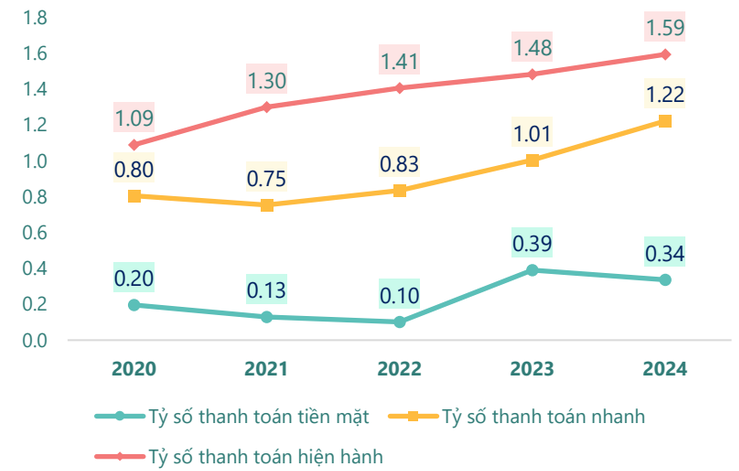
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



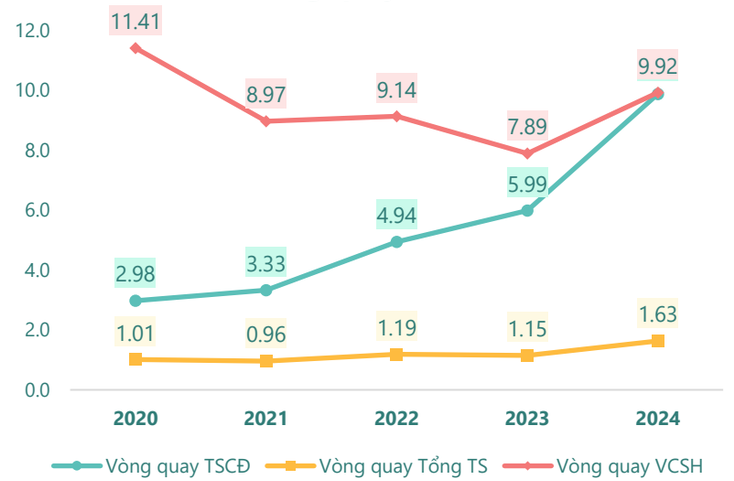
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



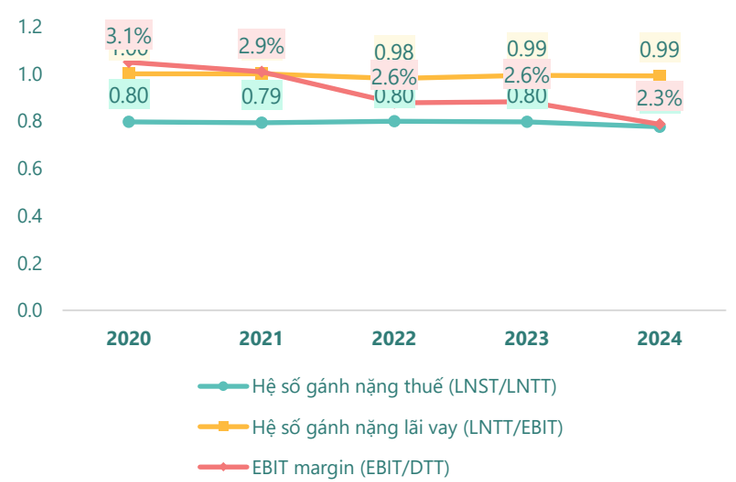
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



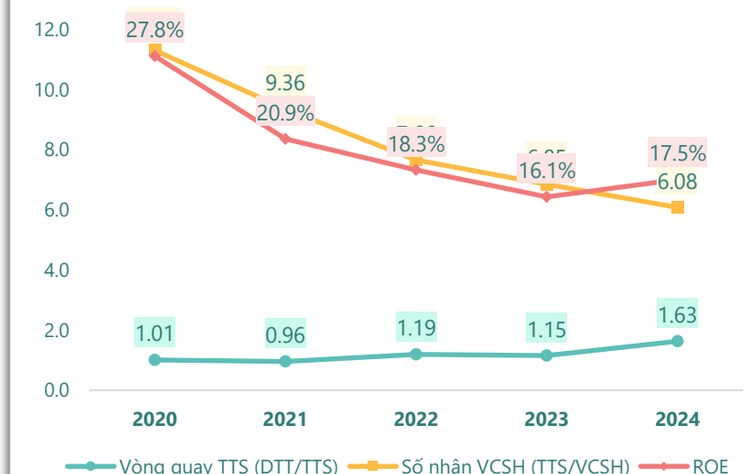
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



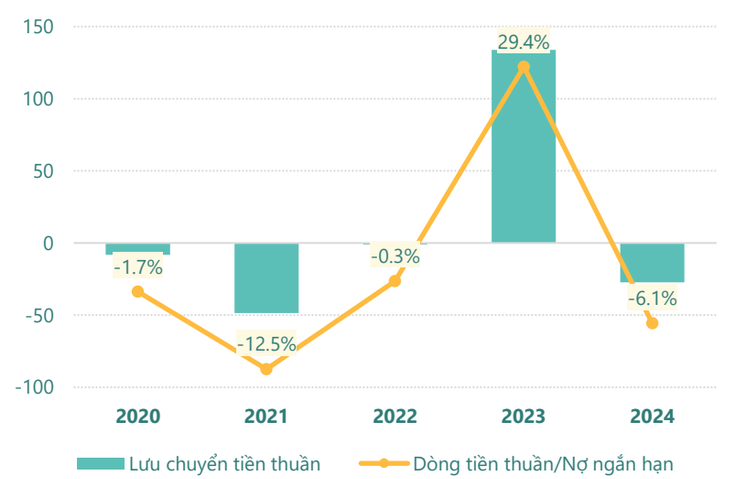
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**322**	**316**	**2.0%**	**1,085**	**1,185**	**-8.4%**
Giá vốn hàng bán	300	292	2.8%	1,027	1,123	-8.5%
Lợi nhuận gộp	22.4	23.9	-6.4%	58.4	62.1	-5.9%
Doanh thu HĐTC	4.90	0.32	1430%	13.4	4.24	216%
Chi phí TC	4.99	4.63	7.7%	5.93	5.91	0.4%
Chi phí lãi vay	0.45	0.09	396%	1.37	0.09	1458%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**15.9**	**12.6**	**26.0%**	**38.9**	**32.6**	**19.3%**
LN thuần từ HĐKD	6.40	7.07	-9.5%	27.0	27.8	-2.8%
Lợi nhuận khác	**1.78**	**-0.36**	**594%**	**2.74**	**0.71**	**286%**
LN trước thuế	8.18	6.70	22.1%	29.7	28.5	4.4%
Lợi nhuận sau thuế	**6.54**	**5.36**	**22.1%**	**24.8**	**22.8**	**8.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.54**	**5.36**	**22.1%**	**24.8**	**22.8**	**8.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.0	-18.5	128	57.0	-3.50	-2.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.3	0.02	-16.2	-0.44	-32.4	-2.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	13.9	-13.9	-0.70	-1.00	-1.00
Tiền đầu kỳ	50.9	54.9	54.2	150	204	174
Lưu chuyển tiền thuần	**3.70**	**-4.55**	**97.9**	**55.8**	**-36.9**	**-6.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.32	3.79	-1.81	-1.64	6.74	-9.65
Tiền cuối kỳ	54.9	54.2	150	204	174	158

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,140**	**1,004**	**13.5%**
Tài sản ngắn hạn	852	711	19.9%
Tiền và tương đương tiền	158	150	5.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	0.0%
Phải thu ngắn hạn	299	378	-20.7%
Hàng tồn kho	356	166	115%
Tài sản ngắn hạn khác	32.4	10.9	197%
Tài sản dài hạn	**288**	**293**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	0.0%
Tài sản cố định	134	158	-15.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	87.2	88.4	-1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**42.1**	**33.5**	**25.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	940	828	13.4%
Nợ ngắn hạn	**560**	**446**	**25.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.00	3.70	8.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	310	241	28.8%
Nợ dài hạn	380	383	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.5	23.5	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**200**	**176**	**14.1%**
Vốn chủ sở hữu	**200**	**176**	**14.1%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)